TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1300/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký Tòa án: Ông Lê Hoàng Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – kiểm sát viên.

Trong ngày 21/4/2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở 3) – địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/TB-TLVA ngày 03/02/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 922/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 1801/2022/QĐST-DS ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh P, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 58/7/10/3 đường số x, khu phố y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Lê Phát Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: 58/7/10/3 đường số x, khu phố y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Phát Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2003 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2003 tại Ủy ban nhân Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là: Ông Đ không lo đi làm phụ giúp gia đình, hay tụ tập bạn bè nhậu nhiều, vợ chồng không có tiếng nói chung; vì vậy bà xác định tình cảm với ông Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Đ có với nhau 01 người con chung tên Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 01/08/2013 hiện nay do bà trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P khai không có

Về nợ chung: Bà P khai không có

Bị đơn ông Lê Phát Đ (vắng mặt không có lời khai)

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn ông Lê Phát Đ cư trú tại địa chỉ 58/7/10/3 đường số x, khu phố y, phường H, thành phố T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Lê Thị Minh P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phát Đ, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn", là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn ông Lê Phát Đ. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 90/TB-TLVA ngày 03/02/2021 cho ông Đ, nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đ vẫn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà P; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ vào ngày 20/12/2021 và ngày 13/01/2022, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng. Ngày 01/3/2021 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đồng thời triệu tập ông Đ tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 31/3/2022 nhưng tại phiên tòa ông Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (21/4/2022), nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Tại phiên tòa bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 278 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; thì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ vắng mặt, nên Tòa án không thể làm rõ giữa bà P và ông Đ có những mâu thuẫn gì; qua xác minh tại địa phương được biết hiện nay bà P và ông Đ đã sống ly thân; ông Đ không đến tòa để giải quyết coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tên Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 01/08/2013 hiện nay do bà P trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau khi ly hôn bà P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống và phát triển của trẻ, nên tiếp tục giao người con chung cho bà P được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà P khai không có.

[2.5]. Về nợ chung: Bà P khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh P tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Minh P và ông Lê Phát Đ (giấy chứng nhận kết hôn số 278 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

- Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Lê Ngọc Phương A, sinh ngày 01/08/2013 cho bà P được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu

Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà P khai không có

- Về nợ chung: Bà P khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà P phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0058659 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án. "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)"./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự
- Ủy ban nhân dân Phường X, quận B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Công Tình